

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29-3-2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Xuân Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Tuyết T, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thôn L, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2017 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Tuyết T trình bày:

Chị T và anh T1 sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2005, đến năm 2010 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, đời sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của hai bên quá khác biệt, hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng đến nay không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có ba con chung là Nguyễn Thị Cát T2- sinh ngày 04/8/2006, Nguyễn Nhật Quang K – sinh ngày 23/7/2008 và Nguyễn Nhật Khai T3 – sinh ngày 25/02/2011. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu T2; đề nghị giao cháu K và cháu T3 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K cháu T3 đủ 18 tuổi, chị T không cấp dưỡng nuôi cháu K cháu T3.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2018, bị đơn Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Anh T1 và chị T tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 31/8/2010.

Trong quá trình chung sống giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn nhưng không thường xuyên nên anh T1 không đồng ý ly hôn mà mong muốn gia đình được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Nếu chị T nhất quyết xin ly hôn thì anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung là các cháu T2, K, T3 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T1. Về con chung: chị T xin thay đổi yêu cầu nuôi con, xin được trực tiếp nuôi cả ba con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng. Hiện tại chị làm nghề tiếp tân đám cưới, hôm nào không có việc thì chị đi làm tại các xưởng điều, công việc và thu nhập cũng đủ trang trải cuộc sống gia đình, còn anh T1 thì công việc không ổn định. Từ sau tết nguyên đán đến nay, chị vừa đi làm vừa chăm sóc, lo cho các con chung ăn học trong khi anh T1 đi lượm điều không có nhà và anh T1 dự tính sau khi Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T1 sẽ đi làm ăn xa nên chị và anh T1 đã thỏa thuận thống nhất giao ba con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bị đơn anh T1 trình bày ngoài các nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng còn do chị T thiếu sự quan tâm đến gia đình nhưng anh T1 vẫn không đồng ý ly hôn, nếu chị T cương quyết ly hôn thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết các yêu cầu của chị T theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con có bị đơn trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Chị T và anh T1 đã tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 31/8/2010, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị T và anh T1 đều thống nhất trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không thống nhất về tình trạng, mức độ mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị T anh T1 cư trú thì do công việc của chị T (tiếp tân đám cưới) thường xuyên đi sớm về tối, anh T1 thì không có công việc ổn định và hay ghen tuông vô cớ nên giữa hai bên thường xuyên cãi vã nhưng không nhờ chính quyền địa phương hay khu phố hòa giải. Bản thân anh T1 mong muốn gia đình đoàn tụ nhưng lại không có bất kỳ động thái nào nhằm giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T anh T1 là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 thống nhất có ba con chung là Nguyễn Thị Cát T2 - sinh ngày 04/8/2006, Nguyễn Nhật Quang K – sinh ngày 23/7/2008 và Nguyễn Nhật Khai T3 – sinh ngày 25/02/2011. Tại phiên tòa, anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị T, mặt khác, tại các biên bản lấy lời khai của các cháu T2, T3 cũng đều có nguyện vọng được ở với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian qua chị T vẫn đảm bảo tốt các quyền và lợi ích hợp pháp cho các con chung nên cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của chị T, giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Tuyết T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Cát T2 - sinh ngày 04/8/2006, Nguyễn Nhật Quang K – sinh ngày 23/7/2008 và Nguyễn Nhật Khai T3 – sinh ngày 25/02/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005xxx ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 29/3/2018.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND xã G;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt